

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày 31-3-2023

V/v : "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoà;
2. Ông Nguyễn Lộc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Mìn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Toà số 429/2023/QĐST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* -Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1953 (Có mặt).
-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 (Có mặt).

Đồng trú tại: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* -Ông Phạm Linh V, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
-Bà Bùi Thị M, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Đồng trú tại: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T thống nhất trình bày: Vợ chồng ông bà làm nghề mua bán quần áo từ năm 2018 đến ngày 03 tháng 02 năm 2020 (Âm lịch), thì vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V trú tại thôn Chánh T, xã Mỹ C, huyện P, thường xuyên đến nhà vợ chồng ông bà để mua quần áo về bán lại, hình thức thanh toán là mua hàng trước về bán rồi trả tiền sau. Vì chỗ quen biết cùng xã tin tưởng lẫn nhau, nên vợ chồng ông bà cho vợ chồng bà M lấy hàng về bán liên tục, cho đến ngày 12/4/2022 (Âm lịch), khi các bên chót sổ nợ, thì vợ chồng bà M ông V còn nợ vợ chồng ông bà 62.630.000đ và sau đó ông V đã trả cho vợ chồng ông bà được 2.000.000đ, còn

nợ lại 60.300.000đ, ông V chồng bà M ký xác nhận số nợ trên.

Nhưng sau ngày hôm đó vợ chồng bà M, ông V không lấy hàng nhà ông bà nữa và cũng không thanh toán số nợ 60.300.000đ, mặc dù vợ chồng ông bà đã đến nhà vợ chồng bà M đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng bà M chây lỳ không chịu trả. Vì vậy nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M, ông V trả số nợ 60.300.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Vắng mặt tại Toà hôm nay, nhưng theo biên bản lấy lời khai đương sự, ngày 15 tháng 11 năm 2022, bị đơn ông Phạm Linh V trình bày: Từ năm 2018 vợ chồng ông có làm ăn với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T ở thôn H, xã M, huyện P, vợ chồng ông mua quần áo của vợ chồng bà L rồi về bán lại, mua nợ rồi trả tiền sau. Việc mua bán diễn ra liên tục cho đến, ngày 12/4/2022 âm lịch, thì vợ chồng ông có trả cho vợ chồng bà L được 2.000.000đ, còn nợ lại 60.630.000đ. Lần trả nợ này cũng là lần sau cùng và ông có ký xác nhận khoản nợ 60.630.000đ vào cuối trang giấy nợ ở phía trước số tiền 60.630.000đ. Sau ngày 12/4/2022 Âm lịch, thì vợ chồng ông không có lấy hàng vợ chồng bà L, ông Thành nữa. Sau đó vợ chồng bà L có đến nhà gặp vợ chồng ông nhiều lần để đòi nợ, nhưng thời điểm đó dịch bệnh covid 19 làm ăn khó khăn, tiếp theo vợ ông chờ hàng đi bán gặp tai nạn, ông phải chăm sóc vợ, không đi làm được, nên không có tiền trả cho vợ chồng bà L.

Nay vợ chồng bà L, ông T yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền mua quần áo còn nợ 60.300.000đ, ông thống nhất hiện vợ chồng ông còn nợ số tiền trên, nhưng do hiện nay kinh tế gia đình ông khó khăn, ông xin trả số nợ trên mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

-Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu: Về thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T, buộc vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V cùng có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L, ông Thành số tiền mua quần áo còn nợ là 60.630.000đ và buộc vợ chồng bà M, ông V phải chịu án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của tòa án và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V đang cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn vợ chồng bà M, ông V hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bà M, ông V vắng mặt

không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Mười, ông Vũ.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V trả số tiền mua quần áo còn nợ là 60.630.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ tháng 02 năm 2020 vợ chồng bà M, ông V thường xuyên mua quần áo của vợ chồng bà L, ông Thành để bán lại với hình thức nhận hàng trước rồi thanh toán tiền sau, việc mua bán các bên diễn ra liên tục cho đến ngày 12/4/2022 âm lịch, khi các bên chốt số nợ, thì vợ chồng bà M, ông V còn nợ vợ chồng bà L số tiền 60.630.000đ và ông V là người trực tiếp ký xác nhận vào cuối trang giấy nợ phía trước số tiền 60.630.000đ. Giấy xác nhận nợ này là hoàn toàn tự nguyện không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và ông V công nhận hiện còn nợ số tiền trên. Đối với bà M (vợ ông V) Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án này, bà M vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, hoặc văn bản trình bày ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đều này chứng tỏ hiện nay vợ chồng bà M, ông V còn nợ vợ chồng bà L, ông T số tiền 60.630.000đ là đúng sự thật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430 và Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015, buộc vợ chồng bà M, ông V có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L, ông T số tiền 60.630.000đ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.1] Đối với yêu cầu của ông Phạm Linh V xin trả dần số nợ trên mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), nhưng vợ chồng bà L, ông T không đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông V.

[2.2] Vợ chồng bà L, ông T, không yêu cầu vợ chồng bà M, ông V phải có nghĩa vụ trả lãi, đối với số tiền nợ trên, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc vợ chồng bà M, ông V cùng phải chịu $5\% \times 60.630.000\text{đ} = 3.032.000\text{đ}$ (Ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí sung ngân sách nhà nước. Đối với ông T, bà Lc thuộc diện người cao tuổi, nên được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T đối với bị đơn bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V.

1.1 Buộc vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T số tiền 60.630.000đ (Sáu mươi triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

2.Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V cùng phải chịu 3.032.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền án phí sung ngân sách nhà nước.

3.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/3/2023). Bà Bùi Thị M, ông Phạm Linh V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phù Mỹ;
- CC THADS huyện Phù Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tân

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ -THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thành Tân

